

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An

(Tuần từ 24/7/2020 – 30/7/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

STT	Trạm	Lượng mưa thực đo từ 17/07 đến 22/07/2020 (mm)	Lượng mưa thực đo từ 01/01 đến 22/07/2020 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích cùng thời đoạn (%)				Lượng mưa dự báo tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2018	2019	
1	Vinh	0,1	594,9	+14	+10	-42	+23	0,9
2	Đô Lương	3,3	386,4	-33	-31	-56	+12	1,6
3	Cửa Rào	1,0	328,4	-41	+16	-70	-35	5,0
4	Tây Hiếu	2,5	431,1	-23	-15	-54	-10	4,6
5	Nam Đàn	18,4	456,4	-8	-5	-55	+49	0,3
6	Quỳ Châu	3,5	767,3	+9	+68	-29	+41	18,1
7	Quỳnh Lưu	0,7	371,5	-14	-20	-61	-29	3,1
8	Quỳ Hợp	0,7	533,8	-19	-3	-49	+36	3,0
9	Mường Xén	6,5	306,5	-40	+4	-54	-16	8,2
10	Nghĩa Khánh	8,1	480,1	-7	-2	-35	-5	11,7
Trung bình		4,5	465,6	-16	+2	-50	+7	5,7

Nhận xét:

- Lượng mưa trong tuần từ 17/07 đến ngày 22/07/2020 phổ biến từ 0.1-18.4 mm
- Lượng mưa lũy tích 01/01/2020 đến ngày 22/07/2020 phổ biến từ 306.5-767.3 mm
- Lượng mưa lũy tích 01/01/2020 đến ngày 22/07/2020 cho thấy:
 - + Hầu hết các trạm có lượng mưa thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 7-41%, riêng 2 trạm Vinh và Quỳ Châu cao hơn TBNN cùng kỳ từ 9-14%.

+ Các trạm Đô Lương, Tây Hiếu, Nam Đàn, Quỳnh Lưu, Quỳnh Hợp, Nghĩa Khánh, thấp hơn năm 2015 cùng kỳ từ 2-31%, các trạm còn lại cao hơn năm 2015 cùng kỳ từ 4-68%.

+ Tất cả các trạm trong vùng đều thấp hơn năm 2018 cùng kỳ từ 29-70%.

+ Các trạm Cửa Rào, Tây Hiếu, Quỳnh Lưu, Mường Xén, Nghĩa Khánh, thấp hơn năm 2019 cùng kỳ từ 5-35%, các trạm còn lại cao hơn năm 2019 cùng kỳ từ 12-49%

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	3	3	-30	-22	-81	-1	Giảm
2	Khe Gõ	5,4	5,2	16	12	-5	+16	-35	+3	Giảm
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	16	15	-8	+13	-40	-2	Giảm
4	Khe Làng	3,1	2,9	28	22	-4	+21	-58	+12	Giảm
5	Nghi Công	2,6	2,4	43	38	-5	+20	-57	+26	Giảm
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	17	15	-6	+14	-53	+11	Giảm
7	Khe Thị	2,7	2,5	32	28	-3	+20	-44	+17	Giảm
8	Bàu Gia	3,8	3,6	29	25	-12	+11	-62	-3	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	34	32	-4	+18	-44	+11	Giảm
10	Kê Sắt	3,0	2,9	1	-4	-26	-19	-67	-13	Tăng
11	Nhà Trò	4,7	4,4	48	43	-15	-	-52	-8	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	11	3	-23	-6	-47	-23	Giảm
13	Quản Hải	5,3	4,8	20	12	-27	-15	-80	-13	Giảm
14	Vệ Vùng	18,4	17,2	11	5	-33	-20	-74	-33	Giảm
15	Mả Tổ	6,5	6,1	29	25	-12	+11	-62	-3	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	18	9	-30	+2	-68	-31	Giảm
17	Bà Tùy	5,5	5,1	20	14	-20	-	-57	-20	Giảm
18	Vực Mầu	75,0	63,7	45	35	-11	+15	-46	-19	Tăng
19	Bàu Đá	3,9	3,7	25	21	-9	+7	-61	+7	Giảm
20	Cầu Cau	2,9	2,5	56	49	-15	-4	-44	+13	Giảm
21	Khe Nậy	2,0	1,9	1	-2	-28	+1	-99	-1	Tăng
22	Cao Càng	1,6	1,6	15	14	-30	-1	-85	+6	Tăng
23	Khe Là	2,5	1,9	84	79	-0	+2	-16	+28	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	28	28	-11	+2	-29	-	Giảm
25	Khe Canh	4,2	4,2	43	43	-16	-5	-57	-20	Giảm
26	Sông Sào	51,4	39,9	75	68	-9	-1	-17	-15	Tăng
27	Khe Thần	4,4	3,1	53	33	-18	-27	-48	-8	Giảm
28	Khe Sân	1,5	1,4	6	3	-30	-	-60	-	Giảm
29	Đình Dù	1,7	1,6	0	-7	-36	-23	-94	-33	Giảm
30	Mộ Dạ	2,2	2,1	0	-6	-5	-	-	-10	Giảm
31	Yên Trạch	1,1	1,1	12	11	-6	-	-	-12	Giảm



TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
32	Đá Bàn	1,2	1,1	3	-2	-4	-	-	-8	Tăng
33	Khe Bung	2,1	2,0	67	65	-6	+10	-21	-16	Tăng
34	Đồi Tương	2,4	2,2	52	48	-18	-4	-38	-27	Giảm
35	Bà Hảo	0,5	0,5	59	59	-11	-	-41	+9	Giảm
36	Xuân Nguyên	1,3	1,2	39	35	-15	+2	-61	+2	Tăng
NGHỆ AN		265.1	233,7	41	33	-14	+5	-44	-10	

Nhận xét:

Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 41% so với dung tích thiết kế, thấp hơn 14% so với TBNN, 10% so với năm 2019, 44% so với năm 2018 và cao hơn 5% so với năm 2015 cùng thời kỳ. Hiện tại có 5 hồ mực nước đã dưới mực nước chết là Kê Sắt, Khe Nậy, Đình Dù, Mộ Dạ, Đá Bàn, một số hồ có dung tích trữ thấp như Cửa Ông 3%, Khe Sân 6%, Đồn Húng 11%, Vệ Vùng 11%.

Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Hè Thu 2020 của các hồ có 27/36 có xu thế giảm, 9/36 có xu thế tăng so với cùng kỳ năm 2019. Dự báo dung tích cuối vụ Hè thu 2020 của các hồ đạt 54% dung tích hữu ích thiết kế.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m ³ /s)
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019		
Bản Vẽ	1834,6	1383	29	5,9	-15,4	-0,7	-40,8	+1,4	Giảm	112
T.Bình	1834,6	1383								

Nhận xét:

- Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có thấp hơn 15,4% so với TBNN, 40,8% so với năm 2018, 0,7% so với năm 2015 và cao hơn 1,4% so với năm 2019 cùng kỳ

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Tính từ ngày 24/7/2020 đến hết vụ Hè thu 2020, tổng nhu cầu nước của 36 công trình hồ đập phụ trách trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận là 49,83 triệu m³.

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên lưu vực sông Lam, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, kết quả tính toán cho thấy: có 18/36 hồ trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận đáp ứng đủ nhu cầu nước,



15/36 hồ không đáp ứng đủ nước tưới và 3/26 hồ có nguy cơ thiếu nước trong vụ Hè thu 2020.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Hè thu năm 2020 trên lưu vực Sông Lam và phụ cận được thể hiện dưới bảng sau:

TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (triệu m ³)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè thu 2020				Ghi chú
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
1	Cửa Ông	0,1	82,5	3	79	65,2	9	Thiếu nước
2	Khe Gồ	0,9	239	12	100	239,0	11	Nguy cơ thiếu
3	Lách Bưởi	0,3	179	15	90	161,1	13	Thiếu nước
4	Khe Làng	0,9	193,2	22	100	193,2	19	Đủ nước
5	Nghi Công	1,1	48,2	38	100	48,2	76	Đủ nước
6	Khe Xiêm	0,6	186	15	100	186,0	9	Nguy cơ thiếu
7	Khe Thị	0,9	223	28	100	223,0	18	Đủ nước
8	Bàu Gia	1,1	292,9	25	96	281,2	9	Thiếu nước
9	Xuân Dương	3,2	520,8	32	100	520,8	22	Đủ nước
10	Kê Sắt	0,0	187,1	-4	57	106,6	20	Thiếu nước
11	Nhà Trò	2,2	158,02	43	100	158,0	42	Đủ nước
12	Đồn Húng	0,5	200,36	3	80	160,3	21	Thiếu nước
13	Quản Hải	1,1	354,97	12	95	337,2	44	Thiếu nước
14	Vệ Vùng	2,0	554	5	92	509,7	19	Thiếu nước
15	Mả Tổ	1,9	398,3	25	100	398,3	14	Nguy cơ thiếu
16	3/2	0,8	353,6	9	79	279,3	16	Thiếu nước
17	Bà Tuy	1,1	145,5	14	100	145,5	17	Đủ nước
18	Vực Mầu	33,8	1670	35	100	1670,0	76	Đủ nước
19	Bàu Đá	1,0	371,9	21	79	293,8	8	Thiếu nước
20	Cầu Cau	1,6	212,4	49	100	212,4	88	Đủ nước
21	Khe Nậy	0,0	275,6	-2	70	192,9	30	Thiếu nước
22	Cao Cang	0,2	243,2	14	100	243,2	56	Đủ nước
23	Khe Là	2,1	112,8	79	100	112,8	100	Đủ nước
24	Khe Đá	4,6	545,7	28	100	545,7	55	Đủ nước
25	Khe Canh	1,8	248,6	43	100	248,6	77	Đủ nước
26	Sông Sào	38,8	1763	68	100	1763,0	87	Đủ nước
27	Khe Thần	2,3	66,7	33	100	66,7	62	Đủ nước
28	Khe Sân	0,1	58,1	3	77	44,7	17	Thiếu nước
29	Đình Dù	0,0	91,7	-7	47	43,1	12	Thiếu nước
30	Mộ Dạ	0,0	167,89	-6	56	94,0	17	Thiếu nước
31	Yên Trạch	0,1	75,3	11	92	69,3	6	Thiếu nước
32	Đá Bàn	0,0	77,89	-2	65	50,6	18	Thiếu nước
33	Khe Bung	1,4	10,25	65	100	10,3	98	Đủ nước



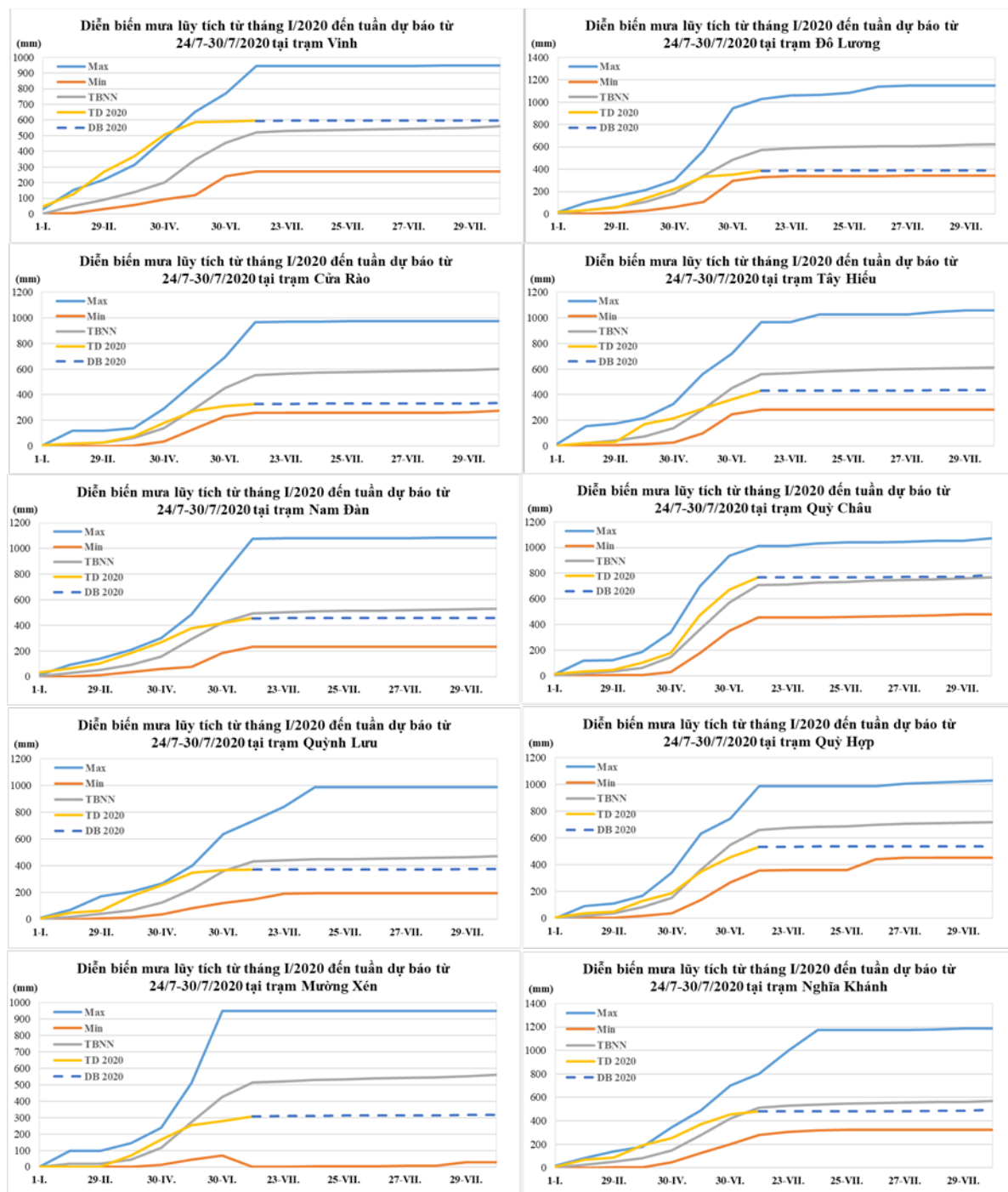
TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (triệu m ³)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè thu 2020				Ghi chú
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
34	Đồi Tương	1,3	20,75	48	100	20,8	81	Đủ nước
35	Bà Hảo	0,3	80	59	100	80,0	65	Đủ nước
36	Xuân Nguyên	0,5	31,2	35	100	31,2	77	Đủ nước
NGHỆ AN		108,7	10439,4	33		9805,7	54	

2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa lũy tích từ 01/01 đến 22/07/2020 (mm)	So sánh lượng mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	Năm TB	Năm Max	
1	Vinh	Vinh	596,6	+120	+6	-37	Rủi ro hạn
2	Đô Lương	Đô Lương	388,5	+14	-38	-66	Rủi ro hạn cao
3	Cửa Rào	Cửa Rào	334,4	+22	-44	-66	Rủi ro hạn cao
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	436,9	+55	-29	-59	Rủi ro hạn cao
5	Nam Đàn	Nam Đàn	457,4	+96	-14	-58	Rủi ro hạn cao
6	Quỳ Châu	Quỳ Châu	786,5	+64	+3	-27	Rủi ro hạn
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	375,8	+92	-20	-62	Rủi ro hạn cao
8	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	538,0	+19	-25	-48	Rủi ro hạn cao
9	Mường Xén	Mường Xén	317,7	+1007	-43	-67	Rủi ro hạn cao
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	493,0	+52	-13	-58	Rủi ro hạn cao

Nhận xét và khuyến cáo:

- Lượng mưa dự báo từ ngày 24/07 đến 30/07/2020 trong vùng phổ biến từ 0.3-18.1 mm.
- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 01/01 đến nay và dự báo cho thấy: Hầu hết các trạm có lượng mưa thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 13-44%, riêng 2 trạm Vinh và Quỳnh



Châu cao hơn TBNN cùng kỳ từ 3-6%.

Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam

Ghi chú:

Năm TB: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Năm min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Năm max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

TD 2019: Lượng mưa thực đo năm 2019-2020

DB 2020: Lượng mưa dự báo năm 2020



2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)				Diện tích chuyển đổi (ha)	Diện tích không canh tác (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây hàng năm	Cây lâu năm				Lúc cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
1	Nghệ An	119.400	90.000	29.400	-	-	-		-	13.591	-
	Cộng										

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Hiện nay, tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An đạt 84,5% so với kế hoạch, trong đó diện tích lúa đã gieo cấy đạt 84.156ha (đạt 93,5% so với kế hoạch)

- Do nắng nóng gay gắt kéo dài, tổng diện tích bị hạn trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã lên tới 13.591ha trong đó diện tích lúa bị hạn là 10.583ha (4.500ha bị hạn nặng), tập trung chủ yếu tại các huyện Nghi Lộc 3.000ha, Hưng Nguyên 1.500ha, Thanh Chương 700ha...Toàn tỉnh có khoảng 234 hồ đang bị cạn nước, chủ yếu ở huyện Đô Lương, Nghi Lộc, Tân Kỳ.

Bên cạnh ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, hạn hán, thiếu nước cũng ảnh hưởng đến nước sinh hoạt. Theo thống kê trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện có khoảng 4.000 hộ dân đang gặp khó khăn về nước sinh hoạt.

- Dung tích trung bình các hồ chứa thủy lợi vừa và lớn trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện tại đạt 41% dung tích thiết kế, các hồ chứa nhỏ do xã, hợp tác xã quản lý chỉ đạt 20 -30% dung tích thiết kế.

Theo kết quả tính toán dự báo nguồn nước cho các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong vụ Hè Thu 2020 có 18/36 hồ bảo đảm cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp, 15/36 hồ có khả năng không đáp ứng đủ nước tưới và 3/36 hồ có nguy cơ thiếu nước trong vụ Hè thu 2020.

- Một số giải pháp chống hạn cần thực hiện trong thời gian tới:

+ Kiến nghị hồ Thủy điện Bản Vẽ ở thượng nguồn sông Lam xả nước để tạo nguồn
+ Tranh thủ nạo vét luồng lạch; đặc biệt nạo vét, khơi thông dòng chảy, sử dụng trạm bơm đã chiến tận dụng các nguồn nước khác để tập trung cứu lúa.

+ Đối với nước thuộc hệ thống Thủy lợi Nam tổ chức tưới luân phiên cho các địa phương.

+ Tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình nguồn nước, khí tượng, thủy văn để có kế hoạch sử dụng nước hợp lý.

Bản tin tuần tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 30/7/2020.



Nơi nhận:

- *Tổng cục Thủy lợi;*
- *Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An*
- *Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An;*
- *Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An*
- *Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An,*
- *Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;*

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI